

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VỤ BẢN
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2024/TCDS - ST

Ngày 27-8-2024

“V/v chia tài sản Ch và chia di
sản thừa kế”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VỤ BẢN, TỈNH NAM ĐỊNH**

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Gấm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Đình Mạnh.

2. Bà Trần Thị Định.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Trần Thị Thanh Thảo - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thu Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 03/2024/TLST - TCDS ngày 23 tháng 02 năm 2024 về việc “Chia tài sản Ch của vợ, chồng và chia di sản thừa kế” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2024/QĐXXST-DS ngày 03 tháng 7 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2024/QĐST-TCDS ngày 30 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Cụ Bùi Huy Y1, sinh năm 1930.

Địa chỉ: Xóm A, xã Th L, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cụ Bùi Huy Y1: Luật sư Vũ Viết N - Công ty Luật TNHH Vũ Trình - Đoàn luật sư Thành phố Hà Nội.

- Bị đơn: Ông Bùi Huy Th, sinh năm 1963.

Địa chỉ: Xóm A, xã Th L, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Bùi Thị V, sinh năm 1960.

2. Ông Bùi Huy Ch, sinh năm 1966.

3. Bà Vũ Thị Ngân H, sinh năm 1974.

Đều có địa chỉ tại: Xóm A, xã Th L, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định.

4. Bà Nguyễn Thị Qu, sinh năm 1958.

5. Anh Bùi Huy H, sinh năm 1989.

Đều có địa chỉ tại: Tổ 4, khu 11, phường Th S, thành phố U B, tỉnh Quảng Ninh.

6. Chị Bùi Thị Ng, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Thôn Trung Linh, xã Đ Th, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định.

(Tại phiên tòa: Có mặt bà Bùi Thị V, ông Bùi Huy Ch và bà Vũ Thị Ngân H. Cụ Bùi Huy Y1, luật sư Vũ Viết N vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt; những người còn lại vắng mặt không có lý do);

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện đề ngày 15-01-2024; quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn là cụ Bùi Huy Y1 và người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cụ Bùi Huy Y1 là luật sư Vũ Viết N trình bày:*

Vợ của cụ Bùi Huy Y1 là cụ Nguyễn Thị T, sinh năm 1931, chết năm 2008. Cụ Bùi Huy Y1 và cụ Nguyễn Thị T sinh được 04 người con gồm:

1. Ông Bùi Huy T, sinh năm 1956.
2. Bà Bùi Thị V sinh năm 1960;
3. Ông Bùi Huy Th, sinh năm 1963;
4. Ông Bùi Huy Ch, sinh năm 1966.

Ông Bùi Huy T chết ngày 05-8-2023, ông T có vợ là bà Nguyễn Thị Qu và các con là Bùi Thị Ng và Bùi Huy H. Bà Qu và anh H hiện đang sinh sống tại thành phố U B, tỉnh Quảng Ninh, chị Ng lấy chồng và đang sinh sống tại thôn Trung Linh, xã Đ Th, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định.

Quá trình Ch sống, vợ chồng cụ Y1 và cụ T có tài sản Ch là 01 thửa đất có nguồn gốc đất do ông bà để lại là thửa đất số 72, tờ bản đồ số 2 -III; diện tích 480 m² gồm: Đất ở tại nông thôn (ONT) là 356 m² và đất trồng cây lâu năm (CLN) là 124 m². Thửa đất đã được Ủy ban nhân dân huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: Đ332398, vào sổ cấp Giấy chứng nhận số: 227 QSDĐ/614/QĐUB ngày 30-6-2004 đứng tên người sử dụng đất là hộ ông Bùi Huy Y1. Tài sản trên đất của cụ Y1 và cụ T gồm: 01 ngôi nhà 05 gian mái lợp ngói đất nung có vì kèo bằng gỗ, tường xây gạch chỉ, nền lán vừa xi măng, cửa gỗ tạp xây dựng năm 1968, sửa lại năm 1994, hiện nhà đã xuống cấp không còn giá trị sử dụng. Tường H trước cửa nhà xây năm 1994 hiện không còn giá trị sử dụng.

Các tài sản trên đất của cụ Y1 và cụ T do ông Ch bà H xây dựng gồm: Năm 1998 vợ chồng ông Ch, bà H xây dựng 04 gian nhà mái bằng (03 gian nhà ngoài và 01 gian buồng), từ khi vợ chồng ông Ch xây nhà mái bằng thì cụ Y1 và cụ T sinh sống tại nhà mái bằng cùng vợ chồng ông Ch. Năm 2000 vợ chồng ông Ch bà H xây dựng công trình phụ liền kề với nhà mái bằng, năm 2002 vợ chồng ông

Ch, bà H xây dựng tiếp 01 xưởng may trên diện tích đất về phía nam của thửa đất. Vợ chồng ông Ch, bà H nuôi dưỡng, chăm sóc cụ Y1 và cụ T từ năm 1993 cho đến nay.

Ngoài ra trên đất còn các tài sản khác như cây cối, H màu do cụ Y1 trồng nhưng cụ Y1 không đề nghị phân chia mà sau này giao diện tích đất có cây cối H màu cho ai thì người đó được quyền sở hữu cây cối H màu trên đất đó.

Năm 2008, cụ T chết không để lại di chúc. Từ khi cụ T chết đến nay thì cụ Y1 và vợ chồng ông Ch bà H là những người quản lý và sử dụng thửa đất trên. Sau khi cụ T chết thì cụ Y1 vẫn sinh sống cùng vợ chồng ông Ch tại gian nhà mái bằng do vợ chồng ông Ch xây dựng đồng thời việc nuôi dưỡng, chăm sóc cụ Y1 là hoàn toàn do vợ chồng ông Ch, bà H chăm sóc, nuôi dưỡng. Hiện nay vợ chồng ông Ch, bà H đã xây dựng nhà và ở riêng ngoài đường Quốc lộ 10, xã Th L nhưng hàng ngày vẫn đi về cơm nước, chăm sóc cho cụ. Cụ hiện nay bị tê chân không đi lại được bằng chân mà chỉ đi lại bằng tay nhưng cụ còn tỉnh táo, minh mẫn, không bị các bệnh về thần kinh.

Do vợ chồng ông Ch, bà H đã chăm sóc, nuôi dưỡng cụ Y1 và cụ T từ năm 1993, vì cụ Y1 và cụ T đều không có lương và không có thu nhập nên mọi công việc trong gia đình và việc nộp thuế đất đều do vợ chồng ông Ch, bà H nộp thay cho cụ Y1, cụ T. Vì vậy, cụ Y1 có nguyện vọng muốn tặng cho ông Bùi Huy Ch và bà Vũ Thị Ngân H phần đất của vợ chồng cụ. Tuy nhiên, ông Bùi Huy Th không đồng ý. Mặc dù cụ Y1 đã nhiều lần họp các con, các cháu để bàn về việc chia tài sản Ch của vợ chồng cụ Y1, cụ T và chia di sản của cụ T để lại. Tuy nhiên, đến nay cụ Y1 và các con, các cháu trong gia đình không thống nhất được với nhau về việc phân chia phần di sản của cụ T để lại. Do đó, để đảm bảo quyền và lợi ích của mình, cụ Y1 yêu cầu Tòa án xem xét và giải quyết các vấn đề sau:

- Xác định tài sản Ch của cụ Bùi Huy Y1 và cụ Nguyễn Thị T là thửa đất số 72, tờ bản đồ số 2-III, bản đồ địa chính xã Th L năm 2003; diện tích 480 m² gồm: Đất ở tại nông thôn (ONT) là 356 m² và đất trồng cây lâu năm (CLN) là 124 m², địa chỉ thửa đất: Xóm A, xã Th L, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định. Diện tích đất hiện nay đo Thực tế là 490,8m² (trong đó đất ở là 359,5m² và đất vườn là 131,3m²), (Gọi tắt là thửa đất số 72). Chia cho cụ Y1 và cụ T, mỗi người được quyền sử dụng $\frac{1}{2}$ diện tích đất đo Thực tế của thửa đất số 72 là 245,4m² (Trong đó có 179,75m² đất ở và 65,65m² đất vườn). Nhà ở 05 gian và 01 tường H không còn giá trị sử dụng nên cụ không đề nghị phân chia.

- Xác định di sản thừa kế của cụ Nguyễn Thị T để lại là diện tích đất 245,4m² (Trong đó có 179,75m² đất ở và 65,65m² đất vườn) thuộc thửa đất số 72, tờ bản đồ số 2-III, bản đồ địa chính xã Th L năm 2003; địa chỉ thửa đất: Xóm A, xã Th L, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định. Cụ đề nghị chia thừa kế của cụ T

theo quy định của pháp luật, kỷ phần thừa kế của cụ cụ xin được nhận bằng hiện vật (bằng đất).

- Yêu cầu Tòa án chia cho cụ Y1 bằng hiện vật (Bằng đất) về công sức cụ đã trông coi, quản lý thửa đất số 72 kể từ khi cụ T chết đến nay.

- ½ diện tích đất là phần tài sản Ch cụ Y1 được chia và kỷ phần thừa kế cụ Y1 được hưởng của cụ T được bao nhiêu thì cụ Y1 tặng cho toàn bộ diện tích đất đó cho vợ chồng ông Ch, bà H được quyền quản lý và sử dụng. Lý do vì ông Ch, bà H đã chăm sóc, phụng dưỡng vợ chồng cụ Y1 nhiều năm qua. Cụ Y1 không yêu cầu ông Ch, bà H phải thanh toán giá trị tài sản cho cụ. Việc tặng cho này là tự nguyện, không bị ép buộc hay lừa dối và cụ Y1 đề nghị Tòa án ghi nhận ý kiến của cụ.

- Đề nghị giao ông Bùi Huy Ch và bà Vũ Thị Ngân H được quyền sử dụng toàn bộ thửa đất số 72, tờ bản đồ số 2-III, bản đồ địa chính xã Th L năm 2003; đất đã được Ủy ban nhân dân huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: Đ332398, vào sổ cấp Giấy chứng nhận số: 227 QSDĐ/614/QĐUB ngày 30-6-2004 đứng tên người sử dụng đất là hộ ông Bùi Huy Y1; địa chỉ thửa đất tại xóm A, xã Th L, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định. Trong đó có 245,4m² đất (179,75m² đất ở và 65,65m² đất vườn) là tài sản riêng của cụ Y1 tự nguyện tặng cho ông Ch, bà H và toàn bộ kỷ phần thừa kế của cụ T mà cụ Y1 được hưởng cụ cũng tự nguyện tặng cho ông Ch, bà H. Cụ không yêu cầu ông Ch, bà H thanh toán cho cụ bất kỳ khoản tiền nào. Ông Bùi Huy Ch và bà Vũ Thị Ngân H được quản lý, sử dụng toàn bộ diện tích đất và có trách nhiệm thanh toán bằng tiền cho các đồng thừa kế khác theo quy định của pháp luật. Tài sản trên đất là nhà mái bằng, công trình phụ, xưởng may ông Ch, bà H xây dựng thì ông Ch, bà H tiếp tục được quản lý sử dụng. Cây cối H màu trên đất cụ Y1 tự trồng sau khi cụ T chết vì diện tích đất giao cho ông Ch bà H nên cụ cũng để ông Ch, bà H tiếp tục quản lý, sử dụng.

- Cụ Y1 không đồng ý chia đất cho ông Th vì lY1 do ông Th hiện nay có nhà đất rộng rãi, diện tích đất ông Th đang sử dụng có nguồn gốc là được cụ Y1 tặng cho khi ông Th lập gia đình riêng. Ông T thì cụ Y1 đã nuôi ăn học, hiện nay cũng có nhà đất ở Quảng Ninh. Chỉ có vợ chồng ông Ch là chưa được cụ Y1 tặng cho gì, trong khi đó chỉ có vợ, chồng ông Ch, bà H là có trách nhiệm nuôi dưỡng, chăm sóc vợ chồng cụ nhiều năm qua.

** Tại biên bản lấy lời khai ngày 12-4-2024, bị đơn là ông Bùi Huy Th trình bày:*

Về nguồn gốc thửa đất số 72, tờ bản đồ số 2-III có nguồn gốc là của ông bà nội ông để lại. Sau khi ông bà nội của ông chết thì mẹ ông là cụ Nguyễn Thị T tiếp tục quản lý, sử dụng và nộp thuế đất còn bố ông là cụ Bùi Huy Y1 lúc đó

đang sinh sống và làm việc tại Hợp tác xã V Quang. Đến khoảng năm 1987, do Hợp tác xã giải thể thì cụ Y1 mới trở về địa phương ở xóm A, xã Th Lễ sinh sống. Cụ Y1 và cụ T quản lý, sử dụng thửa đất số 72 từ đó cho đến nay. Năm 2008, cụ T chết, không để lại di chúc gì. Sau khi cụ T chết thì cụ Y1 tiếp tục quản lý, sử dụng thửa đất số 72. Trên thửa đất số 72 có 05 gian nhà ngói của cụ Y1 và cụ T xây dựng từ năm 1975 và trên đất còn có 04 gian nhà mái bằng do ông Ch, bà H xây dựng từ năm 1998 và 01 xưởng may. Vị trí đất ông Ch, bà H xây dựng 04 gian nhà mái bằng trước đây là đất ao nhưng đã được 04 anh em ông đôn nền, đổ đất, san lấp.

Đối với yêu cầu khởi kiện của cụ Y1 thì ông có quan điểm, ý kiến như sau:

Hiện nay, cụ Y1 đã 95 tuổi, tuổi đã cao, sức khỏe yếu và bị lẫn rồi, không còn nhận thức được nên cụ Y1 không thể làm đơn khởi kiện được mà có người đứng sau làm, chứ cụ Y1 không biết làm đơn. Vì vậy, ông không đồng ý Y1 chia đất, thửa đất số 72 là của 04 anh em ông, phải giữ nguyên, không được chia cho ai mà để làm nơi thờ cúng, có chỗ cho anh em, con cháu đi về. Trường hợp ông được nhận di sản thừa kế của cụ T để lại thì ông đề nghị Toà án chia cho ông bằng hiện vật, ông không nhất trí nhận bằng tiền. Ông không tranh chấp với ai cả nên ông không đồng ý Y1 là người bị kiện vì vậy ông sẽ không đến Toà án để làm việc và từ chối nhận các văn bản tố tụng của Toà án.

Công việc của ông là làm thợ xây, không có thời gian đến Toà án để làm việc vì vậy ông đề nghị Toà án giải quyết vắng mặt ông. Ông không yêu cầu Toà án trưng cầu giám định pháp y tâm thần đối với cụ Y1 và cũng không yêu cầu Toà án T công sức đóng góp gì cho ông.

Toà án đã nhiều lần tổng đạt các văn bản tố tụng của Toà án cho ông Bùi Huy Th nhưng ông Th từ chối nhận và không đến tham gia các phiên họp, phiên hoà giải theo quy định của pháp luật.

** Tại bản tự khai, các biên bản hòa giải, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Bùi Thị V trình bày: Về nguồn gốc và quá trình sử dụng của thửa đất số 72, các tài sản, công trình trên đất; về ngày tháng năm chết của cụ T, các con Ch của cụ Y1 và cụ T; cũng như ngày tháng năm chết của ông T, họ tên, địa chỉ của vợ, con ông T thống nhất như cụ Y1 đã trình bày. Năm 2008, cụ T chết không để lại di chúc. Từ khi cụ T chết cho đến nay thì cụ Y1 và vợ chồng ông Ch, bà H là những người quản lý và sử dụng thửa đất trên. Bố mẹ bà không có lương, ở cùng với vợ chồng ông Bùi Huy Ch và bà Vũ Thị Ngân H, mọi sinh hoạt hàng ngày của cụ Y1 và cụ T đều do vợ chồng ông Ch, bà H chịu trách nhiệm. Cụ Y1 bị bệnh tê chân nhưng cụ Y1 còn rất tỉnh táo, minh mẫn, cụ không bị bệnh gì về thần kinh. Đối với các yêu cầu khởi kiện của cụ Y1 thì bà nhất trí và có ý kiến như sau:*

1. Đề nghị Tòa án phân chia di sản thừa kế cụ Nguyễn Thị T để lại cho bà bằng hiện vật là quyền sử dụng đất. Bà tặng cho toàn bộ kỷ phần thừa kế mà bà được hưởng cho vợ chồng ông Bùi Huy Ch và bà Vũ Thị Ngân H. Bà không yêu cầu ông Ch, bà H phải thanh toán giá trị tài sản cho bà. Việc tặng cho này là tự nguyện, không bị ép buộc hay lừa dối gì cả và bà đề nghị Tòa án ghi nhận ý kiến đó của bà.

2. Về tài sản trên đất của bố mẹ bà trước đây có 05 gian nhà cũ, tường H không còn giá trị sử dụng, bà không có ý kiến gì. Về nhà mái bằng, công trình phụ của vợ chồng ông Ch, bà H xây dựng hiện nay cụ Y1 đang ở thì bà đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

** Tại bản tự khai, các biên bản hòa giải, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Bùi Huy Ch và bà Vũ Thị Ngân H trình bày:* Về nguồn gốc và quá trình sử dụng của thửa đất số 72, các tài sản, công trình trên đất; về ngày tháng năm chết của cụ T, các con Ch của cụ Y1 và cụ T; cũng như ngày tháng năm chết của ông T, họ tên, địa chỉ của vợ, con ông T thống nhất như cụ Y1 đã trình bày nêu trên.

Từ năm 1992 ông và bà H kết hôn với nhau thì vợ chồng ông bà đã Ch sống cùng với cụ Y1 và cụ T trên thửa đất số 72 nêu trên và trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cụ Y1 và cụ T từ năm 1993 cho đến nay.

Năm 1998 cụ Y1 và cụ T nhất trí cho vợ chồng ông bà xây dựng 04 gian nhà mái bằng (03 gian nhà ngoài và 01 gian buồng); năm 2000 ông bà xây dựng công trình phụ và đến năm 2002 ông bà tiếp tục xây dựng thêm 01 xưởng may ở vị trí phía Nam của thửa đất số 72. Hiện nay cụ Y1 đang sinh sống trong căn nhà 04 gian mái bằng này.

Năm 2008, cụ Nguyễn Thị T chết không để lại di chúc. Từ khi cụ T chết đến nay thì cụ Y1 và vợ, chồng ông bà cùng quản lý và sử dụng thửa đất trên. Hàng năm vợ, chồng ông bà là người nộp thuế đất thay cho cụ Y1. Đối với các yêu cầu khởi kiện của cụ Y1 thì ông bà nhất trí và có ý kiến như sau:

1. Đề nghị Tòa án phân chia di sản thừa kế mà cụ T để lại cho ông Ch bằng hiện vật là quyền sử dụng đất.

2. Đề nghị Tòa án T công duy trì khối di sản thừa kế của cụ T cho cụ Y1 và vợ chồng ông bà.

3. Cụ Y1 tự nguyện tặng cho vợ chồng ông bà $\frac{1}{2}$ diện tích thửa đất số 72 cùng kỷ phần thừa kế của cụ Y1 được phân chia + cây cối H màu cụ Y1 trồng cũng như việc bà V tự nguyện tặng cho vợ chồng ông bà kỷ phần thừa kế của bà V được phân chia và không yêu cầu ông bà phải thanh toán giá trị tài sản gì thì vợ chồng ông bà đồng Y1 nhận.

4. Đối với kỹ phần thừa kế ông Ch được hưởng từ cụ T, ông Ch tự nguyện đưa vào tài sản chung của ông Ch và bà H và đề nghị Tòa án ghi nhận ý kiến này của ông. Bà H cũng nhất trí với Y1 kiến của ông Ch.

5. Ông Ch, bà H đề nghị được quản lý, sử dụng toàn bộ diện tích thửa đất số 72 cùng toàn bộ các tài sản, công trình, cây cối trên đất. Lý do vì 05 gian nhà cũ của cụ Y1 trước đây để làm nơi thờ cúng ông bà tổ tiên, do cụ Y1, cụ T xây dựng là ngôi nhà gốc mà hai cụ đã sinh sống và sinh ra anh em ông tại đây. Vì thế nguyện vọng của cụ Y1 là được giữ lại phần diện tích đất có 05 gian nhà cũ, để sau này sẽ xây dựng nhà thờ trên diện tích đất đó. Nhà mái bằng, bếp và công trình phụ mà vợ chồng ông bà đã xây dựng kiên cố và là nơi ở, nơi sinh sống hiện nay của cụ Y1 (05 gian nhà cũ, không còn giá trị và đã xuống cấp nên cụ Y1 không thể ở tại 05 gian nhà đó được nữa). Để giữ ổn định nơi ăn ở, sinh hoạt cho cụ Y1, ông bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông bà được tiếp tục quản lý, sử dụng toàn bộ diện tích thửa đất số 72, trên đất có 05 gian nhà cũ của cụ Y1 và các công trình trên đất ông bà đã xây dựng. Ông Ch và bà H sẽ thanh toán tiền cho các đồng thừa kế khác theo quy định của pháp luật. Việc thanh toán tiền cho các kỹ phần thừa kế, ông bà đề nghị ông bà cùng có trách nhiệm thanh toán, không phải chia phần cụ thể cho ông, bà. Đối với việc nộp án phí của ông Ch, bà H ông bà cũng đề nghị Tòa án T Ch ông bà cùng nộp, không đề nghị phải tách riêng số tiền án phí của từng người.

* Tại thư phản hồi lY1 do không nhận đơn của Tòa ngày 14-3-2024, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Qu trình bày: “Chồng tôi là ông Bùi Huy Tcon trai trưởng của ông Bùi Huy Y1. Sau Tết về ở với ông Y1 01 tháng và về nhà ngày 04-4-2023 và mắc bệnh chết ngày 05-8-2023. Khi ở quê ra, ông ấy có ngôi kể chuyện nhà của ông bà ở quê, không chia cho ai mà để sau này các cháu đứa nào làm ăn không được, không có chỗ ở cho ở nhờ. Theo đúng di nguyện của người đã chết ,03 mẹ con tôi có làm gì đâu mà ghi tên vào đơn, ai tranh chấp với ai ở đây?

Ông bố già nhớ nhớ, quên quên, nói tiếng Việt không sõi, nê nét mặt đất bằng 2 bàn tay và 2 bàn chân, tiền đâu mà đi kiện. Kẻ nào đã đứng đằng sau, muốn chiếm hữu của riêng mình. Anh em chúng tôi không cãi nhau, không tranh chấp tài sản. Biết là ông ngày đi làm ở thành phố Nam Định có rất nhiều tiền, vàng nhưng chỉ đưa cho 1 đứa (cả họ Bùi đều biết).

Chồng tôi bệnh trở nặng, anh em bàn đưa từ bệnh viện Hà Nội về quê làm ma, chính chỗ đất anh ấy chết đến nay chưa được 06 tháng, đã rồi lên chia nhận phần. Tôi thấy dơ và nhục, không muốn nhận đơn nhưng Tòa đã cố tình đưa cho trưởng khu tôi nơi sinh sống để kY1, cạnh nhà tôi có chị làm Tòa án như vậy là không đúng.

Toà nên có cái nhìn đa chiều vì hương hồn của người đã mất, chim có tổ người có tông, đừng làm sáo trộn tình cảm, đạo đức anh em, con cháu trong nhà. Thc ra chỗ đất của ông bà ở quê giữa bãi tha ma về giá trị tiền bạc không đáng là bao. Tôi cũng nói với các chú để nguyên vậy ai nhảy vào mà chiếm, thích ở cứ dọn về mà ở, có ai cấm. Hiện nay các con đều đi ở chỗ khác nhưng vì lòng tham, muốn chiếm thành tài sản riêng của mình. Đừng vì tí đất thờ cúng, tâm phúc chưa thấy mà các cháu đánh nhau thì mất phúc. Tôi đã dặn các con tôi không được nghe chú nào để yên cho bố siêu thoát. Con người khác con vật ở chỗ biết suy nghĩ trước sau”.

* Quá trình giải quyết vụ án, bà Nguyễn Thị Qu, anh Bùi Huy H và chị Bùi Thị Ng đã được Toà án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng cố tình vắng mặt, không đến Toà án để làm việc, không có lời khai và không cung cấp bất cứ tài liệu gì cho Toà án.

Tòa án đã có Thông báo số 163 ngày 16-4-2024 gửi ông Bùi Huy Th, bà Nguyễn Thị Qu về việc: Nếu ông Th, bà Qu cho rằng cụ Y1 không còn minh mẫn, sáng suốt, mất hoặc hạn chế Năng hành vi dân sự thì có quyền yêu cầu Tòa án tuyên bố cụ Bùi Huy Y1 mất Năng hành vi dân sự theo quy định tại khoản 1 Điều 22 Bộ luật dân sự nhưng ông Th, bà Qu không có ý kiến phản hồi gì.

* Tại các biên bản thu thập chứng cứ thể hiện:

Thửa đất số 72, tờ bản đồ số 2-III, bản đồ địa chính xã Th Lnăm 2003, có diện tích 480m² là của vợ chồng cụ Bùi Huy Y1 và cụ Nguyễn Thị T. Thửa đất đã được Ủy ban nhân dân huyện Vụ Bản cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Đ332398 ngày 30-6-2004 đứng tên người sử dụng đất là hộ ông Bùi Huy Y1.

Cụ Bùi Huy Y1 tuổi cao nhưng cụ còn tỉnh táo, minh mẫn, không bị các bệnh về trí não, thần kinh. Cụ đủ điều kiện về sức khỏe và trí tuệ để làm việc cùng Tòa án và các cơ quan pháp luật.

Về diện tích đất hiện nay đo Thc tế tăng thêm, đất ở 3,5m² và đất vườn 7,3m² là do kết quả đo đạc cũng như công cụ đo đạc qua các thời kỳ khác nhau và quá trình sử dụng đất có sự biến động, tuy nhiên sự biến động này nằm trong phạm vi sai số cho phép, không có tranh chấp ranh giới với các hộ liền kề. Vì vậy chấp nhận số đo Thc tế để giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

* Về giá trị của thửa đất và các tài sản trên đất: Căn cứ giá đất trên thị trường tại thời điểm định giá, diện tích đất ở 359.5m² x 1.500.000đ/m² = 539.250.000 đồng; diện tích đất vườn 124 m² x 75.000đồng = 9.847.500đồng. Tổng cộng thửa đất số 72 có giá 549.097.500đồng. 01 ngôi nhà 05 gian mái lợp ngói đất nung có vì kèo bằng gỗ, tường xây gạch chỉ, nền láng vữa xi măng, cửa gỗ tạp xây dựng từ năm 1968, sửa lại năm 1994, hiện nhà đã hết khấu hao không còn giá trị sử dụng. Tường H trước cửa nhà xây năm 1994 hiện không còn giá trị sử dụng.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa phát biểu Y1 kiến như sau:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán, của Thư ký Tòa án trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, của Hội đồng xét xử tại phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng đã Thực hiện đúng quy định của pháp luật.

- Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ các Điều 91, 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, căn cứ điều 610, 612, 613, 614, 623, 649, 650, 651, 652 Bộ luật dân sự năm 2015, Điều 66 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 100 Luật đất đai năm 2013, nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, Viện kiểm sát nhân dân huyện Vụ Bản đề nghị:

+ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của cụ Bùi Huy Y1.

+ Chia tài sản Ch của cụ Bùi Huy Y1 và cụ Nguyễn Thị T và chia di sản thừa kế của cụ Nguyễn Thị T để lại theo quy định của pháp luật.

+ Chia cho cụ Bùi Huy Y1 được hưởng 1/2 thửa đất số 72, tờ bản đồ số 02-III, đứng tên cụ Bùi Huy Y1. Thửa đất này đã được Ủy ban nhân dân huyện Vụ Bản cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Đ332398 ngày 30/06/2004, diện tích đất cụ Y1 được chia là 245,4m² đất trong đó đất ở là 179,75m², đất vườn là 65,65m². Giá trị ½ thửa đất và các tài sản trên đất là: 274.548.000 đồng.

+ Xác định di sản thừa kế của cụ Nguyễn Thị T để lại để chia thừa kế là 1/2 thửa đất số 72, tờ bản đồ số 02- III, có diện tích là 245,4m² đất trong đó đất ở là 179,75m², đất vườn là 65,65m². Giá trị ½ thửa đất và các tài sản trên đất của cụ T để lại để chia thừa kế là: 274.548.000 đồng.

+ Xác định hàng thừa kế thứ nhất của cụ Nguyễn Thị T gồm: Chồng của cụ T là cụ Bùi Huy Y1 và 03 người con của cụ T gồm: Bà Bùi Thị V, ông Bùi Huy Th, ông Bùi Huy Ch, vợ, con của ông T là bà Nguyễn Thị Qu chị Bùi Thị Ng, anh Bùi Huy H;

+ Di sản thừa kế cụ T để lại được chia làm 6 phần. Mỗi kỹ phần thừa kế sẽ có giá trị = 45.758.000đ.

+ Xác định cụ Bùi Huy Y1 và anh Bùi Huy Ch được hưởng một suất thừa kế theo pháp luật do công sức quản lý, bảo quản di sản tương đương 1 kỹ phần thừa kế.

+ Chia di sản thừa kế của cụ Nguyễn Thị T cho cụ Bùi Huy Y1, bà Bùi Thị V, ông Bùi Huy Th, ông Bùi Huy Ch, bà Nguyễn Thị Qu cùng 02 con là Bùi Thị Ng và Bùi Huy H theo quy định của pháp luật.

+ Giao cho ông Bùi Huy Ch và bà Vũ Thị Ngân H được quyền sở hữu, quản lý, sử dụng toàn bộ thửa đất số 72, có diện tích là 490,8m² trong đó đất ở

là 359,5m² và đất vườn là 131,3m². Tổng giá trị tài sản ông Ch được nhận là 549.097.500đ.

Ông Ch và bà H có trách nhiệm thanh toán tiền chênh lệch về tài sản cho ông Bùi Huy Th và ba mẹ con bà Qu giá trị 1 kỷ phần thừa kế mà ông Th và 3 mẹ con bà Qu được hưởng là 45.758.000đ. Ông Th và 3 mẹ con bà Qu được nhận lại tiền chênh lệch giá trị đất từ ông Ch với số tiền ương ứng với giá trị 1 kỷ phần thừa kế mà ông Th và 3 mẹ con bà Qu được hưởng là 45.758.000đ. Theo đó ông Th được nhận từ ông Ch số tiền 45.758.000đ, bà Qu, chị Ng, anh Hoàng mỗi người được nhận từ ông Ch số tiền 15.252.600đ.

+ Về án phí dân sự sơ thẩm: Cụ Y1, bà V được miễn án phí dân sự sơ thẩm, các đương sự khác phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn ông Bùi Huy Th và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Qu, chị Bùi Thị Ng và anh Bùi Huy H đã được Tòa án tổng đạt các văn bản hợp lệ nhưng tại phiên tòa, ông Th, bà Qu, chị Ng và anh Hoàng vắng mặt hai lần không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự trên là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 227; khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Cụ Bùi Huy Y1 khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng cụ Y1, cụ T và chia di sản thừa kế là ½ thửa đất số 72, tờ bản đồ số 2-III, bản đồ địa chính xã Th L năm 2003; địa chỉ thửa đất ở xóm A, xã Th L, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định. Thửa đất này đã được Ủy ban nhân dân huyện Vụ Bản cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Đ332398 ngày 30-6-2004 đứng tên người sử dụng đất là hộ ông Bùi Huy Y1. Do đó xác định quan hệ pháp luật là “Tranh chấp về chia tài sản chung của vợ chồng và chia di sản thừa kế” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định theo quy định tại Điều 26, khoản 1 Điều 35; Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Về tài sản chung của vợ chồng cụ Bùi Huy Y1 và Nguyễn Thị T và di sản thừa kế của cụ T: Căn cứ vào Bản đồ địa chính xã Th L năm 1986 và năm 2003, Sổ mục kê 5a; 5b do Ủy ban nhân dân xã Th L cung cấp thì xác định thửa đất số 72, tờ bản đồ số 2-III; diện tích đo đạc Thực tế là 490,8m² (Trong đó đất ở là 359,5m² và đất vườn là 131,3m²); trên đất có 05 gian nhà ngói, 01 tường hoa (nhà và tường hoa không còn giá trị sử dụng) là tài sản chung của vợ chồng cụ Y1 và cụ T. Như vậy, cụ Y1 và cụ T mỗi người được quyền quản lý, sử dụng

$\frac{1}{2}$ diện tích đất của thửa đất số 72 là phù hợp với quy định tại Điều 66 của Luật Hôn nhân và gia đình. Cụ thể, cụ Y1 được chia $245,4\text{m}^2$ (Trong đó có $179,75\text{m}^2$ đất ở $\times 15.000.000$ đồng/ $\text{m}^2 = 269.625.000$ đồng và $65,65\text{m}^2$ đất vườn $\times 75.000\text{đ}/ \text{m}^2 = 4.923.700$ đồng. Tổng cộng bằng 274.548.700 đồng); cụ T được chia $245,4\text{m}^2$ (Trong đó có $179,75\text{m}^2$ đất ở $\times 15.000.000$ đồng/ $\text{m}^2 = 269.625.000$ đồng và $65,65\text{m}^2$ đất vườn $\times 75.000\text{đ}/ \text{m}^2 = 4.923.700$ đồng. Tổng cộng bằng 274.548.700 đồng).

Như vậy, di sản thừa kế của cụ Nguyễn Thị T để lại là diện tích đất $245,4\text{m}^2$ thuộc thửa đất số 72, tờ bản đồ số 2-III (Trong đó có $179,75\text{m}^2$ đất ở và $65,65\text{m}^2$ đất vườn), tổng trị giá là 274.548.700 đồng.

[4]. Về thời hiệu khởi kiện: Di sản thừa kế mà cụ Y1 yêu cầu Tòa án phân chia là $\frac{1}{2}$ diện tích đất của thửa đất số 72, tờ bản đồ số 2-III, bản đồ địa chính xã Th L năm 2003. Căn cứ khoản 1 Điều 623 Bộ luật Dân sự năm 2015 thì thời hiệu thừa kế là 30 năm đối với bất động sản kể từ thời điểm mở thừa kế. Cụ Nguyễn Thị T chết ngày 24-8-2008. Cụ T chết không để lại di chúc. Ngày 22-02-2024, cụ Y1 nộp đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án chia di sản thừa kế là còn thời hiệu khởi kiện.

[5]. Về thời điểm mở thừa kế: Cụ Nguyễn Thị T chết ngày 24-8-2008. Căn cứ quy định tại Điều 633 Bộ luật Dân sự 2005, xác định thời điểm mở thừa kế của cụ T là ngày 24-8-2008.

[5] Về diện và hàng thừa kế: Năm 2008, cụ T chết không để lại di chúc để định đoạt tài sản của mình nên di sản thừa kế của cụ T được chia theo pháp luật. Hàng thừa kế thứ nhất của cụ T gồm: Cụ Y1; bà V; bà Qu, chị Ng, anh Hoàng (Bà Qu, chị Ng và anh Hoàng hưởng suất thừa kế của ông T); ông Th và ông Ch.

Sau khi cụ T chết thì cụ Y1 và vợ chồng ông Ch, bà H tiếp tục quản lý, sử dụng phần di sản của cụ T để lại. Do cụ Y1 và vợ chồng ông Ch, bà H có công sức trông coi, duy trì khối di sản nên Hội đồng xét xử T công trông coi, duy trì, bảo quản di sản cho cụ Y1 và vợ, chồng ông Ch, bà H bằng một suất thừa kế, cụ Y1 được hưởng $\frac{1}{2}$ của 01 suất thừa kế và vợ chồng ông Ch, bà H được hưởng $\frac{1}{2}$ của 01 suất thừa kế. Như vậy xác định di sản thừa kế của cụ T được chia làm 06 phần gồm: Cụ Y1, ông Th, ông Ch, bà V, ông T (hiện đã chết do đó vợ ông T là bà Qu và các con ông T là anh Hoàng và chị Ng sẽ được hưởng 01 suất kỹ phần thừa kế của ông T) và 01 suất trông coi, bảo quản di sản của cụ Y1 và vợ chồng ông Ch, bà H. Từ đó xác định một kỹ phần thừa kế theo hiện vật là $245,4\text{m}^2$: $6 = 40,9\text{m}^2$ đất (Trong đó, đất ở là $29,958333\text{m}^2$ và đất vườn là $10,941667$) và theo giá trị là 45.758.125 đồng.

[7] Về việc phân chia di sản thừa kế:

Trong quá trình giải quyết vụ án, cụ Y1, bà V, ông Ch đều có nguyện vọng nhận kỷ phần thừa kế bằng hiện vật. Ông Th, bà Qu có ý kiến thừa đất số 72 là của 4 anh em và không nhất trí phân chia thừa đất số 72 mà giữ lại làm nơi thờ cúng. Ông Th có ý kiến trường hợp ông được nhận di sản thừa kế của cụ T thì ông đề nghị chia cho ông bằng hiện vật. Tuy nhiên, như phân tích nêu trên thì thừa đất số 72 là tài sản chung của vợ chồng cụ Y1 và cụ T, cụ Y1 có quyền khởi kiện và quyền tự định đoạt tài sản của mình là $\frac{1}{2}$ diện tích đất thuộc thừa đất số 72; diện tích đất là kỷ phần thừa kế cụ được hưởng của cụ T theo quy định của pháp luật và $\frac{1}{2}$ suất thừa kế công sức duy trì, bảo quản di sản. Do đó, yêu cầu khởi kiện của cụ Y1 là có căn cứ và được chấp nhận. Cụ Y1 và bà V tự nguyện tặng cho vợ chồng ông Ch, bà H toàn bộ phần diện tích đất mà cụ Y1 và bà V được phân chia. Việc tặng cho này là phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

Như vậy, tổng diện tích đất cụ Bùi Huy Y1 được hưởng gồm: 245,4m² đất (tài sản Ch được phân chia) + 40,9m² đất (kỷ phần thừa kế) + 20,45m² (công duy trì, bảo quản di sản), tổng cộng là 306,75m² (trong đó đất ở là 224,6875m² và đất vườn là 82,0625m²). Ông Th, vợ con ông T, ông Ch mỗi người được hưởng 01 kỷ phần thừa kế là 40,9m² đất. Ông Ch, bà H được nhận $\frac{1}{2}$ kỷ phần thừa kế là công trông coi, duy trì khối tài sản thừa kế bằng 20,45m² đất.

Xét thấy mỗi kỷ phần thừa kế được hưởng có diện tích đất nhỏ, nếu phân chia bằng hiện vật cho các hàng thừa kế thì diện tích đất được chia không phù hợp với quy định của địa phương và quy định của Luật đất đai về diện tích đất tối thiểu để tách thửa. Ông Th và bà Qu hiện nay đã có nơi ở ổn định, ông Th có nhà đất riêng ở xóm A, xã Th L, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định và bà Qu có nhà đất ở thành phố U B, tỉnh Quảng Ninh. Ông Ch đề nghị được nhập toàn bộ kỷ phần thừa kế của ông Ch được hưởng vào tài sản Ch của vợ chồng ông Ch, bà H. Ông Ch, bà H có nguyện vọng được quản lý, sử dụng toàn bộ diện tích thừa đất số 72 và các tài sản trên đất, ông bà có trách nhiệm thanh toán tiền cho các đồng thừa kế khác theo quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử xét thấy nguyện vọng này của ông Ch, bà H là phù hợp với ý chí của cụ Y1, bà V và cũng phù hợp với quy định của pháp luật nên cần được chấp nhận. Giao cho ông Ch, bà H được quyền quản lý, sử dụng toàn bộ thừa đất số 72 đồng thời ông Ch, bà H có nghĩa vụ thanh toán cho ông Th số tiền là 45.758.125đồng; thanh toán cho bà Qu, anh Hoàng, chị Ng số tiền là 45.758.125đồng (Trong đó, bà Qu, anh Hoàng, chị Ng, mỗi người được hưởng số tiền là 15.252.708đồng).

[8]. Về các tài sản trên thừa đất số 72 của vợ chồng cụ Y1 không còn giá trị sử dụng, không phải phân chia. Các tài sản khác trên thừa đất số 72 hiện nay là của vợ chồng ông Ch, bà H; Cây cối hoa màu cụ Y1 trồng trên đất, cụ Y1 tự

nguyên cho ông Ch bà H, không ai có ý kiến gì về các tài sản trên đất do đó giao cho ông Ch, bà H được tiếp tục quản lý, sử dụng.

[10] Về chi phí tố tụng: Cụ Y1 tự nguyện nộp toàn bộ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[11]. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Cụ Y1, bà V là người cao tuổi, có đơn được miễn án phí do đó cụ Y1, bà V được miễn án phí theo quy định tại Điều 02 Luật người cao tuổi. Ông Th, bà Qu là người cao tuổi nhưng không có đơn xin được miễn án phí do đó ông Th, bà Qu phải nộp án phí đối với kỷ phần thừa kế mà ông Th, bà Qu được hưởng, cụ thể: Bà Qu phải nộp $15.252.708 \text{ đồng} \times 5\% = 762.635 \text{ đồng}$. Ông Th phải nộp: $45.758.125 \text{ đồng} \times 5\% = 2.287.900 \text{ đồng}$.

Ông Ch, bà H tự nguyện nộp chung do đó ông Ch, bà H phải nộp án phí đối với phần di sản thừa kế được hưởng là: $(45.758.125 \text{ đồng} + 2.287.900 \text{ đồng}) \times 5\% = 3.431.860 \text{ đồng}$.

Chị Ng và anh Hoàng, mỗi người phải nộp số tiền án phí đối với kỷ phần thừa kế được hưởng là: $15.252.708 \text{ đồng} \times 5\% = 762.635 \text{ đồng}$.

Vì các lý trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 92 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 631, 632, 633, 634, 635, 674, 675, 676 Bộ luật Dân sự năm 2005;

Căn cứ các Điều 254; 357; 468; 609; 610, 611, 612, 613, 623, 649, 650, 651, 660 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 66 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Điều 2 Luật người cao tuổi;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là cụ Bùi Huy Y1:

2. Xác định tài sản chung của cụ Bùi Huy Y1 và cụ Nguyễn Thị T là thửa đất số 72, tờ bản đồ số 2-III, bản đồ địa chính xã Th L năm 2003; địa chỉ thửa đất: Xóm A, xã Th L, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định có diện tích Thc tế là $490,8 \text{ m}^2$ đất (trong đó đất ở là $359,5 \text{ m}^2$ và đất vườn là $131,3 \text{ m}^2$). Chia cho cụ Y1 và cụ T, mỗi người được quyền sử dụng $\frac{1}{2}$ diện tích đất của thửa đất số 72 là $245,4 \text{ m}^2$ (Trong đó có $179,75 \text{ m}^2$ đất ở và $65,65 \text{ m}^2$ đất vườn).

3. Xác định di sản thừa kế của cụ Nguyễn Thị T để lại là diện tích đất đo Thc tế là $245,4 \text{ m}^2$ (Trong đó có $179,75 \text{ m}^2$ đất ở và $65,65 \text{ m}^2$ đất vườn) trị giá là

274.548.700 đồng, thuộc thửa đất số 72, tờ bản đồ số 2-III, bản đồ địa chính xã Th L năm 2003; địa chỉ thửa đất: Xóm A, xã Th L, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định. Di sản thừa kế của cụ T được chia làm 06 phần gồm: Cụ Y1, ông Th, ông Ch, bà V, ông T (hiện đã chết do đó vợ ông T là bà Qu và các con ông T là anh Hoàng và chị Ng được hưởng 01 suất kỹ phần thừa kế của ông T) và 01 suất trông coi, bảo quản di sản của cụ Y1 và vợ chồng ông Ch, bà H, mỗi kỹ phần thừa kế theo hiện vật là $245,4\text{m}^2 : 6 = 40,9\text{m}^2$ đất (Trong đó, đất ở là $29,958333\text{m}^2$ và đất vườn là $10,941667\text{m}^2$) trị giá là 45.758.125 đồng.

4. Ghi nhận sự tự nguyện của cụ Bùi Huy Y1 về việc tặng cho vợ chồng ông Bùi Huy Ch và bà Vũ Thị Ngân H diện tích đất $306,75\text{m}^2$ (trong đó đất ở là $224,6875\text{m}^2$ và đất vườn là $82,0625\text{m}^2$) thuộc thửa đất số 72, tờ bản đồ số 2-III, bản đồ địa chính xã Th L năm 2003; địa chỉ thửa đất: Xóm A, xã Th L, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định.

5. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Bùi Thị V về việc tặng cho vợ chồng ông Bùi Huy Ch và bà Vũ Thị Ngân H diện tích đất là $40,9\text{m}^2$ đất (Trong đó, đất ở là $29,958333\text{m}^2$ và đất vườn là $10,941667\text{m}^2$) thuộc thửa đất số 72, tờ bản đồ số 2-III, bản đồ địa chính xã Th L năm 2003; địa chỉ thửa đất: Xóm A, xã Th L, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định.

6. Ghi nhận sự tự nguyện của ông Bùi Huy Ch về việc đưa diện tích đất là $40,9\text{m}^2$ (Trong đó, đất ở là $29,958333\text{m}^2$ và đất vườn là $10,941667\text{m}^2$) thuộc thửa đất số 72, tờ bản đồ số 2-III, bản đồ địa chính xã Th L năm 2003; địa chỉ thửa đất: Xóm A, xã Th L, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định thành tài sản Ch của ông Ch và bà H.

7. Giao cho ông Bùi Huy Ch và bà Vũ Thị Ngân H được quyền quản lý, sử dụng và các quyền khác theo quy định của pháp luật thửa đất số 72, tờ bản đồ số 2-III, bản đồ địa chính xã Th L năm 2003; địa chỉ thửa đất tại xóm A, xã Th L, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định, có diện tích $490,8\text{m}^2$ và có các chiều, các cạnh cụ thể như sau:

- Cạnh phía Bắc giáp ngõ xóm gồm 04 đoạn, tính từ Đông sang Tây, đoạn thứ nhất dài 4,9m (4-5); đoạn thứ hai dài 8,6m (3-4); đoạn thứ 3 dài 3,1m (Đoạn 2-3) và đoạn thứ tư dài 6,5m (1-2);

- Cạnh phía Nam tiếp giáp với thửa đất số 70 của hộ ông Điềng, gồm 02 đoạn, tính từ Đông sang Tây, đoạn thứ nhất dài 13,2m (6-7); đoạn thứ hai dài 8,4m (7-8);

- Cạnh phía Đông tiếp giáp với thửa đất số 73 của hộ ông Chà dài 21,2m (5-6);

- Cạnh phía Tây tiếp giáp với thửa đất số 71 của hộ ông Nam dài 22,3m (8-1);

(Có sơ đồ kèm theo).

Ông Bùi Huy Ch và bà Vũ Thị Ngân H có trách nhiệm liên hệ với Cơ quan quản lý đất đai để kê khai, đăng ký và làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật và theo Quyết định của Bản án.

8. Giao cho ông Bùi Huy Ch và bà Vũ Thị Ngân H tiếp tục quản lý, sử dụng các công trình, tài sản trên đất gồm: 01 ngôi nhà 05 gian lợp ngói không còn giá trị sử dụng; tường H trước cửa nhà không còn giá trị sử dụng; 04 gian nhà mái bằng (03 gian nhà ngoài và 01 gian buồng); công trình phụ; xưởng may và cây cối H màu trên đất.

9. Ông Bùi Huy Ch và bà Vũ Thị Ngân H có nghĩa vụ thanh toán cho ông Bùi Huy Th số tiền là 45.758.125 đồng; bà Nguyễn Thị Qu số tiền là 15.252.708 đồng, chị Bùi Thị Ng số tiền là 15.252.708 đồng và anh Bùi Huy H số tiền là 15.252.708 đồng.

Ông Bùi Huy Th được nhận từ ông Ch, bà H số tiền là 45.758.125 đồng. Bà Nguyễn Thị Qu được nhận số tiền là 15.252.708 đồng, chị Bùi Thị Ng số tiền là 15.252.708 đồng và anh Bùi Huy H số tiền là 15.252.708 đồng từ ông Bùi Huy Ch và bà Vũ Thị Ngân H.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 của Bộ luật Dân sự.

10. Án phí dân sự sơ thẩm: Cụ Y1 và bà V được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Bùi Huy Ch và bà Vũ Thị Ngân H phải nộp án phí dân sự sơ thẩm đối với kỷ phần thừa kế được hưởng số tiền là 3.431.860 đồng.

Ông Bùi Huy Th phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là: 2.287.900 đồng.

Bà Nguyễn Thị Qu, chị Bùi Thị Ng và anh Bùi Huy H, mỗi người phải nộp án phí dân sự sơ thẩm đối với kỷ phần thừa kế được hưởng là 762.635 đồng.

11. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được giao bản án hoặc bản án được niêm yết.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND huyện + tỉnh;
- Chi cục THADS huyện Vụ Bản;
- UBND xã Th L;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP Tòa án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Thị Gấm

1. Phân chia tài sản Ch của cụ Y1 và cụ T là thửa đất số 72, tờ bản đồ số 2 - III, bản đồ địa chính xã Th L năm 2003, có diện tích là 480m²; địa chỉ thửa đất tại xóm A, xã Th L, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định đứng tên người sử dụng đất là hộ ông Bùi Huy Y1. Cụ yêu cầu được nhận $\frac{1}{2}$ diện tích đất là 240 m² tại thửa đất số 72, tờ bản đồ số 2-III, bản đồ địa chính xã Th L năm 2003; địa chỉ thửa đất ở xóm A, xã Th L, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định. Cụ xin nhận phần diện tích đất về phía bắc của thửa đất nơi có 05 gian nhà cũ của vợ chồng cụ. Tài sản trên đất là 01 ngôi nhà 05 gian của vợ chồng cụ xây dựng từ năm 1968, sửa lại năm 1994, tường H không còn giá trị sử dụng cụ không đề nghị xem xét giải quyết.

2. Chia di sản của cụ Nguyễn Thị T để lại là $\frac{1}{2}$ tài sản trong khối tài sản Ch của vợ chồng cụ theo quy định của pháp luật.

3. Đề nghị Tòa án phân chia di sản thừa kế mà cụ T để lại cho cụ Y1 bằng hiện vật là quyền sử dụng đất.

4. Cụ Y1 đề nghị Tòa án chia cho cụ phần diện tích đất về phía bắc của thửa đất, nơi có 05 gian nhà cũ và gian nhà mái bằng của vợ chồng ông Ch, bà H gồm 03 gian nhà ngoài và 01 buồng xây dựng năm 1998 và 01 xưởng may xây dựng năm 2002. LY1 do vì 05 gian nhà cũ của cụ trước đây để làm nơi thờ cúng ông bà tổ tiên, sau này cụ Y1 muốn giao lại cho vợ chồng ông Ch, để vợ chồng ông Ch xây dựng nhà thờ ở vị trí đó. Còn nhà mái bằng của ông Ch, bà H thì hiện nay đang là nơi ăn ở, sinh hoạt duy nhất của cụ Y1. Vì vậy cụ Y1 có nguyện vọng được tiếp tục quản lý, sử dụng diện tích đất nêu trên.

5. Yêu cầu Tòa án chia cho cụ Y1 bằng hiện vật (Bằng đất) về công sức cụ đã trông coi, quản lý thửa đất số 72 kể từ khi cụ T chết cho đến nay.

6. Diện tích đất là phần tài sản Ch cụ Y1 được chia và kỷ phần thừa kế cụ Y1 được hưởng của cụ T có được bao nhiêu thì cụ Y1 tặng cho toàn bộ diện tích đất đó cho vợ chồng ông Ch, bà H được quyền quản lý và sử dụng. LY1 do vì ông Ch, bà H đã chăm sóc, phụng dưỡng vợ chồng cụ Y1, cụ T nhiều năm qua. Cụ Y1 không yêu cầu ông Ch, bà H phải thanh toán giá trị tài sản cho cụ. Việc

tặng cho này là tự nguyện, không bị ép buộc hay lừa dối và cụ Y1 đề nghị Tòa án ghi nhận Y1 kiến của cụ.

7. Cụ Y1 không đồng ý chia đất cho ông Th vì lý do ông Th hiện nay có nhà đất rộng rãi, diện tích đất ông Th đang sử dụng có nguồn gốc là được cụ Y1 tặng cho khi ông Th lập gia đình riêng. Ông T thì cụ Y1 đã nuôi ăn học, hiện nay cũng có nhà đất ở Quảng Ninh. Chỉ có vợ chồng ông Ch là chưa được cụ Y1 tặng cho cái gì. Trong khi đó chỉ có vợ, chồng ông Ch, bà H là có trách nhiệm nuôi dưỡng, chăm sóc vợ chồng cụ nhiều năm qua.

Di sản thừa kế của cụ Tình để lại là diện tích đất $245,4m^2 \times 1.500.000đ/m^2 = 368.100.000$ đồng, thuộc thửa đất số 72, tờ bản đồ số 2-III (Trong đó có $179,75m^2$ đất ở và $65,65m^2$ đất vườn). Di sản thừa kế của cụ Tình được chia theo pháp luật, chia cho các đồng thừa kế là cụ Y1, ông Th, ông T, ông Ch. Ông T hiện đã chết do đó vợ ông T là bà Quyền và các con ông T là anh Hoàng và chị Ng sẽ được hưởng kỷ phần thừa kế của ông T. Cụ Y1, ông Ch có công duy trì khối tài sản thừa kế do đó sẽ chia cho cụ Y1 được hưởng 01 suất kỷ phần thừa kế. Như vậy di sản thừa kế được chia 06 phần bằng nhau gồm: Ông Th, ông Ch mỗi người được hưởng 01 kỷ phần thừa kế, vợ con ông T được hưởng 01 kỷ phần thừa kế của ông T và cụ Y1 được hưởng 02 kỷ phần thừa kế. Cụ thể: $245,4m^2 : 6 = 40,9m^2$ đất (Trong đó, đất ở là $29,958333m^2$ và đất vườn là $10,941667$) $\times 1.500.000đ/m^2 = 45.758.125$ đồng.